

Bản án số:/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23/03/2026

Về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nhân

2. Ông Phạm Ngọc Hà

- **Thư ký phiên tòa:** bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án Nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ.

Ngày 23 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Đoàn Thị Diễm M**, sinh năm 2001 (có mặt)

Địa chỉ: KV TX2, phường TL, thành phố Cần Thơ

CCCD: 092301005729

- Bị đơn: ông **Đỗ Hữu N**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: KV X2, phường TL, thành phố Cần Thơ

CCCD: 092099002834

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 16/09/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị Diễm M trình bày: Giữa bà và ông Đỗ Hữu N tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TL, quận O, Tp Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về

sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên dẫn đến cự cãi, bất hòa về quan điểm sống. Đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm với ông N nên bà yêu cầu được ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung có 01 con chung tên Đỗ Thị Diễm H, sinh ngày 08/8/2020, hiện cháu H đang sinh sống cùng bà, mọi chi phí sinh hoạt của cháu H do bà bỏ ra. Nay, bà yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn ông Đỗ Hữu N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với ông Đỗ Hữu N, nguyên nhân mâu thuẫn là ông N nhiều lần chơi cờ bạc thiếu nợ, bà đã từng trả thay cho ông N nhiều lần, và nhiều lần ông N lấy tài sản là xe, vàng của vợ chồng mang bán để chơi cờ bạc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 đến nay, không ai thăm hỏi đến ai.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Về con chung có 01 con chung tên Đỗ Thị Diễm H, sinh ngày 08/8/2020, bà hiện đã nuôi cháu H do cho cháu đi học tại Trường mầm non TL, từ khi ly thân thì ông N không thăm hỏi gì đến con chung.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Hữu N. Giữa bà Đoàn Thị Diễm M và ông Đỗ Hữu N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường TL, Tp Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo trình bày của nguyên đơn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân mâu thuẫn chính là bị đơn có hành vi chơi cờ bạc, làm phát sinh nợ và phá tán tài sản gia đình. Và vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; bị đơn không tham gia tổ tụng, không thể hiện ý chí hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đây là nền tảng cốt lõi để duy trì đời sống hôn nhân bền vững.

Đối chiếu với vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: theo trình bày của nguyên đơn, giữa các bên đã phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống; đến năm 2024 thì vợ chồng đã ly thân và từ đó đến nay không còn quan tâm, chăm sóc, thăm hỏi lẫn nhau. Bị đơn cũng không tham gia tổ tụng, không có ý kiến phản hồi, thể hiện sự thờ ơ đối với quan hệ hôn nhân.

Việc vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài nhưng không có bất kỳ sự liên hệ, quan tâm nào cho thấy giữa các bên đã không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc nhau theo quy định của pháp luật. Đây không chỉ là biểu hiện của mâu thuẫn thông thường mà còn thể hiện sự bỏ mặc nhau trong đời sống hôn nhân, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà My và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Con chung là cháu Đỗ Thị Diễm H, sinh ngày 08/8/2020 hiện đang do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng ổn định. Bị đơn không tham gia tổ tụng, không có ý kiến về việc nuôi con, đồng thời cũng không thể hiện việc quan tâm, chăm sóc con trong thời gian ly thân.

Xét thấy việc giao cháu cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng sẽ bảo đảm điều kiện ổn định về mọi mặt cho sự phát triển của cháu, phù hợp với thực tế và quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

Do bà My không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Nguyên đơn trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí:* Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Diễm M phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Diễm M.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đoàn Thị Diễm M ly hôn với ông Đỗ Hữu N.

- *Về tài sản chung:* Đương sự cho rằng tự thỏa thuận, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác

- *Về nợ chung:* Đương sự cho rằng không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Đỗ Thị Diễm H, sinh ngày 08/8/2020 cho bà My trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông N, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Đoàn Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006783 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND KV2 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS TPCT;
- UBND phường Thới Long;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Thái